**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN LỚP 7**

**Tuần 24**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp** | Tiết 93,94-ÔN TẬP CHƯƠNG 6 |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | *Bài 1 trang 23*:   1. Ta có:     *Bài 3 trang 23*:  Gọi số quyển sách của 3 bạn An, Bình và Cam lần lượt là x, y, z.  Ta có:  và a-b+c=8  Vậy số quyển sách của 3 bạn An, Bình và Cam lần lượt là 6; 8; 10 quyển.  *Bài 4 trang 23*:   1. Ta có:   2:3:5 và x+y+z=30   1. Ta có:   6:8:10 và a-b+c=16 |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | *Trả lời các câu hỏi:* Bài tập 4,5,6 sgk |

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp** | Tiết 95-Bài 4: Đường vuông góc và đường xiên – Luyện tập |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | Bài 1. (sgk trang 66)  Xét ∆ABC ta có : AB < AC < BC  => *ACB*ˆ < *ABC*ˆ < *BAC*ˆ  Ta có : *A*ˆ = 50°, *B*ˆ = 50°  => *A*ˆ =  *B*ˆ  => ∆ABC cân tại C  =>  *C*ˆ =   180°- (*B*ˆ +  *A*ˆ ) = 180° - 100° = 80°.  Xét ∆ABC ta có: *ACB*ˆ > *CAB*ˆ = *CBA*ˆ  => AB > CA = CB.  Bài 2. (sgk trang 66)  a) Xét  ∆ ABC có : *C*ˆ = 180° - (*A*ˆ + *B*ˆ) =  180°  - 140° =  40°  => *A*ˆ là góc lớn nhất của tam giác ABC  => BC là cạnh có độ dài lớn nhất.  b) Xét ∆ ABC có : *C*ˆ = *B*ˆ = 40°  => ∆ ABC cân tại A.  Bài 3. (sgk trang 66)  a) Xét  ∆ ABC vuông tại A ta có: *A*ˆ  = 90°  => BC là cạnh lớn nhất  +) *C*ˆ + *B*ˆ = 180° - *A*ˆ =180° -90° = 90°  mà *B*ˆ > 45°  => *C*ˆ < 45°  => *B*ˆ > *C*ˆ  => AC > AB.  b) Lấy K thuộc đoạn AC  Có ∆ ABK vuông tại A => *BKA*ˆ là góc nhọn  => *BKC*ˆ là góc tù (vì *BKA*ˆ +  *BKC*ˆ = 180*o*).  ∆ BKC có  *BKC*ˆ là góc tù => BC là cạnh lớn nhất => BC > BK. |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | Làm bài tập 4;5;6 sgk |

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp** | Tiết 96-Bài 5: Đường trung trực của đoạn thẳng |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | **Hoạt động:**  – Tìm hiểu các dạng toán về tam giác cân, tam giác đều.  NỘI DUNG BÀI GHI  1. Đường trung trực của một đoạn thẳng:  ***HĐKP1:***  Kết luận:  Đường thẳng vuông góc với một đoạn thẳng tại trung điểm của nó được gọi là đường trung trực của đoạn thẳng ấy.    M  Nhận xét:  **Thực hành 1:**   * MM’ là đường trung trực của đoạn thẳng AN. * PP’ là đường trung trực của đoạn thẳng NB. * NN’ là đường trung trực của đoạn thẳng AB.   **Thực hành 2:**    BD là đường trung trực của đoạn thẳng AC vì BD vuông góc tại trung điểm (P) của đoạn thẳng AC.  **2.Tính chất đường trung trực:**    **HĐKP2:**  **Kết luận:**  **Định lí 1**: Điểm nằm trên đường trung trực của một đoạn thẳng thì điểm đó cách đều hai đầu mút của đoạn thẳng đó.  **HĐKP 2:**    **HĐKP2:**  **Kết luận:**  **Định lí 2**: Điểm cách đều hai đầu mút của một đoạn thẳng thì nằm trên đường trung trực của đoan thẳng đó**.**  **Thực hành:**  Cho hình vẽ:    Biết d là đường trung trực của đoạn AB và M thuộc d    **Vận dụng:**  **Dựng đường trung trực của đoạn thẳng AB bằng thước và compa**  **Bước 1**:  . Lấy A là tâm và dùng compa vẽ một cung tròn lớn hơn AB ( như hình 9a)  **Bước 2** :  . Lấy B là tâm vẽ cung tròn bằng với bán kính ở trên hình 9a ( hình 9b)  . Và hai cung tròn cắt nhau tại hai điểm M và N.  **Bước 3** :  . Lấy thước kẻ đường thẳng đi qua hai điểm M và N. MN là đường trung trực của đoạn thẳng AB.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   Chú ý : xem SGK/7 |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | Làm bài tập 1,2,3 sgk |